

Số: 767 /ĐHH-TCCB
V/v tổ chức thi thăng hạng
chức danh nghề nghiệp giảng viên
cao cấp (hạng I) và giảng viên chính
(hạng II) năm 2020

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc Đại học Huế

Thực hiện Công văn số 1809/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020 và Công văn số 1808/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2020, Đại học Huế hướng dẫn cụ thể một số nội dung trong việc triển khai Kế hoạch thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) và giảng viên chính (hạng II) trong các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc Đại học Huế như sau:

I. ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I):

1. Đối tượng dự thi

Viên chức giảng dạy có chức danh nghề nghiệp (CDNN) giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 có nguyện vọng dự thi, đang công tác tại Đại học Huế.

2. Điều kiện đăng ký dự thi

Viên chức được cử đi dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) khi có đủ các điều kiện sau:

2.1. Đơn vị có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

2.2. Đang giữ CDNN giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02.

2.3. Được thủ trưởng đơn vị đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2.4. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) theo quy định như sau:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I);

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;



đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe, hướng dẫn 01 (một) học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa cấp II tương đương với hướng dẫn 01 (một) học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn 01 (một) nghiên cứu sinh bằng 01 (một) công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước.

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp hai lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học được quy định tại Điểm c khoản 3 Điều này;

đ) Chủ trì biên soạn ít nhất 02 (hai) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

e) Có ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học đã được công bố, bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học; báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo; kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ (sau đây gọi chung là bài báo khoa học);

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên chính (hạng II) lên chức danh giảng viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên chính (hạng II) tối thiểu là 02 (hai) năm.

3. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

a) Nội dung thi: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; Vấn đề đổi mới



quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường; Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I). Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Thời gian thi: 180 phút.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

b) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

c) Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

a) Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (hội thoại) ở trình độ bậc 4 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).

b) Hình thức thi: Viết và phỏng vấn (hội thoại).

c) Thời gian thi: Viết 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) 15 phút.

3.4. Bài thi tin học

a) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

c) Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng giảng viên cao cấp (hạng I)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT 61 điểm trở lên, IELTS 5.5 trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/6/2020.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

6.1. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng giảng viên cao cấp (hạng I) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I) *(theo mẫu số 1 đính kèm)*.

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức *(theo mẫu số 2 đính kèm)*.

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý *(theo mẫu số 3 đính kèm)*.

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I).

đ) Quyết định bổ nhiệm giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 và quyết định bổ nhiệm chức danh tương đương (nếu có).

e) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn học viên/nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ/luận án tiến sĩ có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý kèm theo các minh chứng:

- Bản sao các quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn tiến sĩ, thạc sĩ; bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp của người học mà ứng viên được giao hướng dẫn.

- Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bản sao bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia, quốc tế và các tài liệu minh chứng kèm theo.

- Bản sao bài báo khoa học đã công bố, sách phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của ứng viên được quy định như sau:

a) Ứng viên chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình và theo thứ tự thời gian.

c) Ứng viên chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

7. Thủ tục và trách nhiệm của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc Đại học Huế và viên chức dự thi thăng hạng

7.1. Các đơn vị có trách nhiệm thông báo công khai trong các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020 để mọi viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

7.2. Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

7.3. Các đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

7.4. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng giảng viên cao cấp (hạng I) của các đơn vị gửi về Đại học Huế phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị quản lý viên chức ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi (*theo mẫu số 4 đính kèm*).

II. ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

1. Đối tượng dự thi

Viên chức giảng dạy có chức danh nghề nghiệp (CDNN) giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 có nguyện vọng dự thi, đang công tác tại Đại học Huế.

2. Điều kiện đăng ký dự thi

Viên chức được cử đi dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) khi có đủ các điều kiện sau:

2.1. Đơn vị có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

2.2. Đang giữ CDNN giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.

2.3. Được thủ trưởng đơn vị đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2.4. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) theo quy định như sau:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II);
d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

đ) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

3. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

a) Nội dung thi: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường; Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II). Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Thời gian thi: 180 phút.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

b) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

c) Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

a) Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

b) Hình thức thi: Viết.

c) Thời gian thi: Viết 90 phút.

3.4. Bài thi tin học

a) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.

c) Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT 45 điểm trở lên, IELTS 4.5 trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/6/2020.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II)

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

6.1. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II) (theo mẫu số 1 đính kèm).

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo mẫu số 2 đính kèm).

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (theo mẫu số 3 đính kèm).

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN giảng viên chính (hạng II) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II).

đ) Quyết định bổ nhiệm giảng viên (hạng III), mã số: V.07.01.03 và quyết định bổ nhiệm chức danh tương đương (nếu có).

e) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý kèm theo các minh chứng:

- Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bản sao bài báo khoa học đã công bố, sách phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) của ứng viên được quy định như sau:

a) Ứng viên chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình và theo thứ tự thời gian.

c) Ứng viên chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

7. Thủ tục và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học và viên chức dự thi thăng hạng

7.1. Các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm thông báo công khai trong đơn vị thuộc phạm vi quản lý về văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2020 để mọi viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

7.2. Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

7.3. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

7.4. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) của các đơn vị gửi về Đại học Huế phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị quản lý viên chức ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi (theo mẫu số 4 đính kèm).

III. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

- Kỳ thi thăng hạng giảng viên cao cấp (hạng I) dự kiến tổ chức vào quý III năm 2020 tại Hà Nội.

- Kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) dự kiến tổ chức vào quý III năm 2020 tại 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Đại học Huế đề nghị các đơn vị triển khai công văn này đến toàn thể công chức, viên chức để cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn trên đăng ký dự thi. Danh sách đăng ký dự thi (theo mẫu số 4a và 4b đính kèm) đã qua sơ tuyển gửi về Đại học Huế (qua Ban Tổ chức cán bộ) trước ngày 20 tháng 6 năm 2020 đồng thời gửi file danh sách theo yêu cầu qua hệ thống thông tin quản lý (bà Đặng Thị Khánh Ngọc, Ban Tổ chức cán bộ).

Quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không gửi văn bản xem như không có nhu cầu cử công chức, viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) và giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc ĐHH (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB. ĐTKN.

TL GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ



Nguyễn Duân

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐẠI HỌC HUẾ
CÓ ĐỦ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2020 của Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd.mm.yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng TĐ)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																		
2																		

Danh sách này gồm có người./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Gửi file mềm dưới dạng file *xls với phông chữ Times New Roman;
2. Cột 3, 4 yêu cầu phân cách ngày.tháng.năm bằng dấu chấm;
3. Cột 6 chỉ ghi tên trường đại học/cao đẳng;
4. Cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến ngày 30/6/2020;
5. Cột 12, 13 ghi cụ thể có hoặc không;
6. Cột 14 ghi đủ (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu);
7. Cột 15, 16 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (Ví dụ: Văn bằng 2, TNNN,...đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CĐ/ĐH/ThS/TS đối với miễn thi tin học)
8. Cột 17 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung quốc);
9. Cột 19 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII. trong đó:
 - Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II: Nghệ thuật.
 - Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.
 - Khối ngành IV: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V: Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khối ngành VI: Sức khoẻ.
 - Khối ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐẠI HỌC HUẾ
CÓ ĐỦ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 2020 của Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd.mm.yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng TĐ)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I)		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																		
2																		

Danh sách này gồm có người./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Gửi file mềm dưới dạng file *xls với phông chữ Times New Roman;
- Cột 3, 4 yêu cầu phân cách ngày.tháng.năm bằng dấu chấm;
- Cột 6 chỉ ghi tên trường đại học/cao đẳng;
- Cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến ngày 30/6/2020;
- Cột 12, 13 ghi cụ thể có hoặc không;
- Cột 14 ghi đủ (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu);
- Cột 15, 16 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (Ví dụ: Văn bằng 2, TNNN,...đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CD/ĐH/ThS/TS đối với miễn thi tin học)
- Cột 17 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung quốc);
- Cột 19 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII. trong đó:
 - Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II: Nghệ thuật.
 - Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.
 - Khối ngành IV: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V: Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khối ngành VI: Sức khoẻ.
 - Khối ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ky bởi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ngày ký: 23-05-2020 16:32:00
07.00

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II)

(Ban hành kèm theo công văn số 809/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 05 năm 2020)

Kính gửi:
Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):
Ngày tháng năm sinh:
Nơi ở hiện nay:
Đơn vị công tác (khoa, trường):
Chức vụ:
Trình độ chuyên môn cao nhất:
Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:
Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:
Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:
Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: .../.../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II) tại Công văn số ngày của và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có: , ngày tháng năm

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I)

(Ban hành kèm theo công văn số 1809/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 05 năm 2020)

Kính gửi:
Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):
Ngày tháng năm sinh:
Nơi ở hiện nay:
Đơn vị công tác (khoa, trường):
Chức vụ:
Trình độ chuyên môn cao nhất:
Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:
Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:
Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:
Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: .../.../.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I) tại Công văn số ngày của và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có: , ngày tháng năm

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức: Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu (4 x 6 cm)	1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
	2) Tên gọi khác:
	3) Sinh ngày:tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):
	4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
	5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
	6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
	8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
	(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
	9) Nơi ở hiện nay:
	(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
	10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
	11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
	12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:
	(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
	13) Công việc chính được giao:
	14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:
	Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:.....
	15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
	15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
	(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
	15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....
	(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)
	15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
	15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....
	(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
	16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
	17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:
	(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
	18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:
	19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây
là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày... tháng... năm 20.....
**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
hoặc sử dụng viên chức**
(Ký tên, đóng dấu)

.....

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức..... Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu (4 x 6 cm)	1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
	2) Tên gọi khác:.....
	3) Sinh ngày:tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):
	4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
	5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
	6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
	8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
	(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
	9) Nơi ở hiện nay:
	(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
	10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
	11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
	12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:
	(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
	13) Công việc chính được giao:
	14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:
	Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:.....
	15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
	15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
	(TSKH, TS, Ths. cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
	15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....
	(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)
	15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
	15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....
	(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
	16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
	17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:
	(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
	18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:
	19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây
là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày... tháng..... năm 20.....
**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
hoặc sử dụng viên chức**
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC

(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên chính)

(Ban hành kèm theo công văn số 809/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 05 năm 2020)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh
nghề nghiệp Giảng viên chính, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà)
tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên lên Giảng viên chính năm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC

(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên cao cấp)

(Ban hành kèm theo công văn số 1.809BGDDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 05 năm 2020)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên chính lên Giảng viên cao cấp năm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
ĐỰ THỊ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2020**
(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2020 của))

Ký bởi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ngày ký: 25-05-2020 16:31:52
+07:00

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I)		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị A		01.01.1968															
2																		
3																		
...																		

Danh sách này có: người.

....., ngày tháng năm 2020

Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bề ngữ Quy Đơn vị:

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: ptsbang@moe.gov.vn;
- 2) Cột 3,4 đã được định dạng text, yêu cầu phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm theo mẫu, cột 6 ghi tên trường đại học/cao đẳng; cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 30/7/2019;
- 3) Cột 12,13 ghi cụ thể "có" hoặc "không", cột 14 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với cả các cột này);
- 4) Cột 15, 16 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: Văn bằng 2, TNNN... đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CD/DH/THS/TS đối với miễn thi tin học);
- 5) Cột 17 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc);
- 6) Cột 18 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII, trong đó:
 - Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II: Nghệ thuật.
 - Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.
 - Khối ngành IV: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V: Toán và thông kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khối ngành VI: Sức khỏe.
 - Khối ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.